

BÁO CÁO

Báo cáo tài chính Hợp nhất tóm tắt cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến 30/6/2025 của Nhóm Công ty Mẹ- con Công ty Thuốc lá Sài Gòn

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TÓM TẮT:

Đvt: tỷ đồng

CHỈ TIÊU		Mã số	30/06/2025	01/01/2025
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	6.300,64	5.950,96
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	972,62	650,87
II.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	-	-
III.	Hàng tồn kho	140	243,62	141,31
IV.	Tài sản ngắn hạn khác	150	5.006,85	5.090,33
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	77,55	68,45
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	902,49	886,40
I.	Tài sản cố định	220	0,00	0,00
II.	Tài sản dở dang dài hạn	240	798,35	787,60
III.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12,23	18,06
IV.	Tài sản dài hạn khác	260	28,71	28,71
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270	7.203,13	6.837,36
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300	4.115,65	4.022,45
I.	Nợ ngắn hạn	310	3.953,19	3.859,63
II.	Nợ dài hạn	330	162,46	162,82
D.	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	3.087,48	2.814,91
I.	Vốn chủ sở hữu	410	3.087,48	2.814,91
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	2.692,46	2.692,46
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418	-	-
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	395,03	122,45
+	LNST chưa phân phối kỳ trước	421a	122,45	-
+	LNST chưa phân phối kỳ này	421b	272,57	122,45
4.	Nguồn vốn đầu tư XD CB	422	-	-
II.	Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440	7.203,13	6.837,36



II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT TÓM TẮT:

Đvt: tỷ đồng

CHỈ TIÊU		Mã số	6T năm 2025	6T năm 2024
1.	Tổng doanh thu		6.494,72	5.118,36
-	Doanh thu thuần BH&CCDV	10	6.442,33	5.074,37
-	Doanh thu hoạt động tài chính	21	38,22	31,40
-	Thu nhập khác	31	14,18	12,60
2.	Tổng chi phí		6.031,34	4.788,26
3.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	463,38	330,10
4.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	346,37	242,28

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN :

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	30/06/2025	01/01/2025
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	12,53	12,96
	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	87,47	87,04
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	57,14	58,83
	Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	42,86	41,17
3	Khả năng thanh toán nợ			
	Khả năng thanh toán hiện tại	lần	1,59	1,54
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,25	0,17
4	Các chỉ tiêu sinh lợi			
	Tỉ suất LNST/Doanh thu thuần	%	5,38	4,77
	Tỉ suất LNST/Tổng tài sản	%	4,93	3,79
	Tỉ suất LNST/Vốn CSH	%	12,86	9,00
5	Các chỉ số khác			
	Vòng quay hàng tồn kho	lần	1,28	1,09
	Vòng quay các khoản phải thu	lần	33,47	23,99
	Vòng quay tài sản	lần	0,92	0,79

IV. Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN: Kiểm toán viên chấp nhận toàn phần./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Tổng công ty TLVN;
- BGĐ, HĐQT, KSV, KSNB;
- Lưu: VT, TCKT. *mlm*

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN *nh*
CÔNG BỐ THÔNG TIN
GIÁM ĐỐC



Trần Duy Thái